

Kính gửi ông / bà _____ さま
様

SỔ TAY NGHI PHẠM

GHI CHÉP VỀ TÌNH HÌNH THẨM VẤN

ひぎしや 被疑者ノート とりしら 取調べの きろく 記録

(Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Đến ngày ____ tháng ____ năm ____)
(_____ 年 _____ 月 _____ 日から _____ 年 _____ 月 _____ 日まで)

Ngày tháng năm :
年月日 :

Luật sư : _____
弁護士 :

Vui lòng ghi lại tình hình thẩm vấn vào Sổ tay này và hoàn lại cho tôi trong thời gian sau đó.

このノートに、あなたが う 受けた とりしら 取調べの ようす 様子を きろく 記録して、 ごじつ 後日、 わたくし 私 かえ に返してください。

警察・検察の方へ

このノートは、弁護人が、接見の際に見ながら取調べ状況の説明を受けるとともに、後日返却を受け、弁護活動に役立てることを予定して、被疑者に差し入れ、記録を要請するものですので、その記録内容については、憲法に由来する秘密交通権の保障を受けます。

Kính thưa quý cảnh sát và công tố viên

Sổ tay nghi phạm này được cấp cho nghi phạm nhằm ghi chép các nội dung của buổi thẩm vấn và trả lại cho luật sư sau đó, nhờ đó luật sư có thể sử dụng để tham khảo trong quá trình trao đổi về tình hình thẩm vấn với nghi phạm, và sử dụng để hỗ trợ cho các hoạt động của luật sư về sau này. Các nội dung ghi chép trên sổ tay nghi phạm này được bảo vệ theo Quyền Hội ý kín giữa Luật sư – nghi phạm của Hiến pháp Nhật Bản.

ベトナム語版

2012年12月版 Phiên bản tháng 12 năm 2012

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ NHẬT BẢN

JFBA 日本弁護士連合会

SỔ TAY NGHI PHẠM

— MỤC LỤC —

■ Quy trình bắt giữ và thủ tục tố tụng hình sự	2
■ Các lời khuyên quan trọng khi thẩm vấn	
– Chuẩn bị tâm lý để tham gia thẩm vấn	4
Lời nói đầu	4
I. Thủ tục tố tụng hiện hành	4
II. Tầm quan trọng của việc gặp luật sư	5
III. Chuẩn bị tâm lý khi thẩm vấn	6
IV. Hướng dẫn cách lập “Sổ tay nghi phạm”	
~ Sổ tay nghi phạm sẽ giúp bạn	10
V. Cách viết “Sổ tay nghi phạm”	11
VI. Cách sử dụng “Sổ tay nghi phạm”	12
VII. Khi bị thẩm vấn vô lý, trái luật	12
Phần kết – Tâm lý thái độ của bạn có vai trò quan trọng	14
■ SỔ TAY NGHI PHẠM (Đề nghị điền thông tin vào phần này)	16 - 61

QUY TRÌNH BẮT GIỮ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Dưới đây là phần giải thích cho quy trình tố tụng hình sự sau khi bị bắt giữ, xin đọc phần giải thích nêu bên dưới. Ngoài ra, trong bảng dưới có phần ô trống để mô tả các tình huống thẩm vấn, vui lòng điền thông tin vào đây.

Sau khi bị bắt giữ bạn sẽ bị giam giữ tối đa 72 tiếng đồng hồ. Trong thời gian này, công tố viên sẽ quyết định có đề nghị thẩm phán (Đề nghị Tạm giam) về việc có tiếp tục tạm giam nghi phạm hay không. Nếu có Đề nghị Tạm giam, thẩm phán sẽ quyết định có tiếp tục giam giữ hay không sau khi nghe yêu cầu của bạn (Thẩm tra Tạm giam). Trường hợp được công nhận là không phải tạm giam, bạn sẽ được thả.

Bắt giữ

Ngày thứ 1	Ngày thứ 2	Ngày thứ 3
<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn <input type="checkbox"/> Có thẩm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn <input type="checkbox"/> Có thẩm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn <input type="checkbox"/> Có thẩm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()

→ **Thả**

Thời gian tạm giam về nguyên tắc là 10 ngày, nhưng khi tòa án phán đoán rằng có lý do bắt buộc phải tạm giam thêm, tòa án sẽ quyết định kéo dài thời gian tạm giam (Gia hạn Tạm giam) đó thêm tối đa 10 ngày nữa (Cũng có thể bị tạm giam tối đa 20 ngày).

Tạm giam

Ngày thứ 1	Ngày thứ 2	Ngày thứ 3
<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn <input type="checkbox"/> Có thẩm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn <input type="checkbox"/> Có thẩm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn <input type="checkbox"/> Có thẩm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()
Ngày thứ 4	Ngày thứ 5	Ngày thứ 6
<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn <input type="checkbox"/> Có thẩm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn <input type="checkbox"/> Có thẩm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn <input type="checkbox"/> Có thẩm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()
Ngày thứ 7	Ngày thứ 8	Ngày thứ 9
<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn <input type="checkbox"/> Có thẩm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn <input type="checkbox"/> Có thẩm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()	<input type="checkbox"/> Không thẩm vấn <input type="checkbox"/> Có thẩm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()

Kéo dài
thời gian
giám giữ

Ngày thứ 10	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 1	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 2	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 3	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 4	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 5	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 6	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 7	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 8	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 9	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

Ngày thứ 10	/	()
<input type="checkbox"/> Không thăm vấn <input type="checkbox"/> Có thăm vấn () <input type="checkbox"/> Trao đổi Luật sư () : ~ : <input type="checkbox"/> Thăm viếng Người thăm () : ~ : <input type="checkbox"/> Gửi quà Người gửi () Quà gửi ()		

→ **Phóng thích (Không khởi tố - chờ xử lý)**
 ※Trường hợp nghi vấn tội danh khác, nghi phạm có nguy cơ sẽ bị tái bắt giữ (trong trường hợp đó quy trình sẽ bắt đầu lại).

Trước khi hết thời gian tạm giam mà tòa án cho phép, công tố viên sẽ quyết định có khởi tố bạn hay không. Trường hợp không bị truy tố (không đưa ra tòa), bạn sẽ được thả.

→ **Truy tố** → **Phóng thích (Lệnh rút gọn)**
 → **Bảo lãnh tại ngoại**

Khi nghi phạm phạm tội nhẹ và nếu việc áp dụng mức phạt tương đương 1 triệu yên hoặc ít hơn là hợp lý, nếu được sự đồng ý của bạn, việc xét xử có thể được thực hiện bằng văn bản (Lệnh rút gọn). Trong trường hợp này, bạn cũng được thả đồng thời với lệnh rút gọn đó.

→ **Tòa án** → **Phóng thích (Vô tội - Tù treo)**

Nếu bị khởi tố trong thời gian tạm giam, bạn có thể được thả tạm thời cho đến khi kết thúc xét xử (Bảo lãnh tại ngoại).
 Tòa án (thẩm phán) sẽ quyết định có chấp nhận bảo lãnh tại ngoại hay không. Có một số điều kiện để có thể được bảo lãnh tại ngoại và bạn phải nộp một khoản tiền bảo lãnh (Tiền bảo lãnh nộp cho tòa án nhằm đảm bảo bạn không bỏ trốn và sẽ có mặt tại tòa).

Kết án tù

CÁC LỜI KHUYÊN QUAN TRỌNG KHI THẨM VẤN

— Chuẩn bị tâm lý khi thẩm vấn —

Lời nói đầu

Có lẽ hiện tại bạn đang bị bắt giữ và thẩm vấn, hoặc tuy không bị bắt giữ, bạn cũng đang phải trải qua một cuộc thẩm vấn tự nguyện. Dù bị bắt giữ hay không, khi phải tham dự một cuộc thẩm vấn căng thẳng, có thể bạn sẽ nghĩ *"chỉ cần mình ký tên vào biên bản theo yêu cầu của nhân viên thẩm vấn thì mọi việc sẽ dễ dàng hơn"* mặc dù bạn không hoàn toàn đồng ý với nội dung ghi trong biên bản. Tuy nhiên, chỉ vì muốn thoải mái trong một chốc lát rồi ký tên vào biên bản mặc dù bạn không đồng ý với những nội dung ghi trên đó, bạn có thể phải đương đầu với những rắc rối về sau.

Do đó, để tránh hối tiếc, vui lòng đọc thật kỹ những lời khuyên ghi trong cuốn "SỔ TAY NGHI PHẠM" này trước khi tham gia thẩm vấn.

I. Thủ tục tố tụng hiện hành

Dưới đây là quy trình từ khi bạn bị bắt giữ đến khi xét xử tại tòa án. Vui lòng tham khảo thêm cả tài liệu "Quy trình bắt giam và thủ tục tố tụng hình sự" (Trang 2 và 3).

1. Bắt giữ

Khi bị bắt giữ, bạn sẽ bị cảnh sát thẩm vấn, đồng thời vụ án sẽ được báo cáo lên văn phòng công tố viên trong vòng 48 giờ. Công tố viên sẽ tiến hành thẩm vấn sơ bộ trong vòng 24 giờ sau đó, trong trường hợp cảm thấy cần phải kéo dài thời gian giam giữ, công tố viên sẽ lập "Đề nghị Tạm giam" và gửi cho thẩm phán. Nếu công tố viên xét thấy không cần phải tạm giam, khi đó bạn sẽ được thả tự do.

2. Tạm giam

Khi có yêu cầu tạm giam, thẩm phán sẽ tiến hành "Thẩm tra Tạm giam" đối với bạn, và đưa ra quyết định có giam giữ hay không.

Khi có quyết định tạm giam, bạn sẽ bị tước quyền tự do trong vòng 10 ngày kể từ ngày có yêu cầu tạm giam. Trong trường hợp quá trình điều tra không hoàn tất trong khoảng thời gian trên, thời gian tạm giam có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày.

Cảnh sát và Công tố viên sẽ tiến hành thẩm vấn trong thời gian tạm giam.

Nếu tòa án xét thấy không cần phải tạm giam, bạn sẽ được thả tự do.

3. Khởi tố - Không khởi tố

Trong thời gian tạm giam, khi quá trình điều tra vụ việc kết thúc, công tố viên sẽ quyết định có yêu cầu đưa ra xét xử hình sự ("Khởi tố") hay không có yêu cầu xét xử hình sự ("Không khởi tố").

Trường hợp bị khởi tố, bạn sẽ bị xét xử tại toà án.

★Bảo lãnh tại ngoại

Trong trường hợp bị khởi tố, thông thường bạn sẽ tiếp tục bị giam giữ, tuy nhiên, trường hợp bạn được bảo lãnh tại ngoại, bạn sẽ được hoạt động tự do trong phạm vi giới hạn của các điều kiện bảo lãnh cho đến khi có phán quyết của tòa án. Bảo lãnh tại ngoại là chế độ trong đó tòa án (thẩm phán) đánh giá người bị tình nghi không có khả năng bỏ trốn, hoặc tiêu hủy chứng cứ, và cho phép người này được thả tự do sau khi nộp một khoản tiền bảo lãnh cho tòa án.

II. Tầm quan trọng của việc gặp luật sư

1. Việc gặp luật sư rất quan trọng

~ Khi gặp khó khăn, hãy gọi cho luật sư ~

Khi bị thẩm vấn, bạn sẽ cảm thấy không thoải mái và không biết phải làm gì. Đồng thời, bạn sẽ thấy lúng túng khi bị nhân viên thẩm vấn yêu cầu ký tên đóng dấu vào biên bản thẩm vấn ngay cả khi bạn không đồng tình với nội dung biên bản. Trong trường hợp đó, trước khi ký tên và đóng dấu, hãy tham khảo ý kiến của luật sư. Khi bị thẩm vấn trái luật, vô lý, hoặc cảm thấy nhân viên thẩm vấn đang gây cho mình cảm giác khó chịu, đôi khi bạn sẽ cảm thấy ngần ngại khi phải tham khảo ý kiến của luật sư của mình. Tuy nhiên, đây mới chính là lúc bạn cần ngay lập tức yêu cầu luật sư bào chữa của mình đến để trao đổi và xin ý kiến (Các điểm cần lưu ý khi bị thẩm vấn được ghi rõ trong các phần từ III đến VII bên dưới, vui lòng đọc kỹ các phần này. Trường hợp có điểm nào cảm thấy khó hiểu, đừng ngần ngại hỏi luật sư.)

Khi muốn tham khảo ý kiến của một luật sư bào chữa, ngay cả khi đó là ngay giữa phiên thẩm vấn, hãy yêu cầu cho gặp luật sư bằng cách nói "*Tôi muốn gặp luật sư ngay lập tức*",. Theo quy định của chính phủ, người thẩm phán phải ngay lập tức liên hệ với một luật sư khi người tình nghi nói "*Tôi muốn gặp luật sư*".

2. Quyền Hôi ý kín giữa

~ Ban không cần phải khai báo nội dung trao đổi với luật sư ~

Trong quá trình thẩm vấn, bạn sẽ thường xuyên bị nhân viên thẩm vấn đặt các câu

hỏi như : anh / chị đã trao đổi những gì với luật sư, luật sư tư vấn cho anh / chị những gì.v.v. Tuy nhiên, dù cho có bị truy vấn, bạn hoàn toàn không cần phải trả lời những câu hỏi như vậy về nội dung trao đổi giữa mình với luật sư.

Nội dung trao đổi giữa nghi phạm và luật sư được bảo vệ theo Luật Hội ý kín giữa luật sư – nghi phạm của Hiến pháp Nhật Bản. Ngoài ra Mục 1 Điều 39 Luật Tố tụng Hình sự cũng bảo vệ Quyền này.

3. Không cần xuất trình “Sổ tay nghi phạm”

Cuốn "Sổ Tay Nghi phạm" này rất quan trọng với cả bạn lẫn luật sư, được luật sư cấp cho bạn nhằm yêu cầu ghi chép lại các nội dung trong quá trình thẩm vấn và trả lại cho luật sư vào thời gian sau đó. Thông qua đó, sổ tay được sử dụng nhằm mục đích : trong quá trình tiếp xúc với bạn, luật sư sẽ vừa theo dõi các nội dung được ghi chép trong sổ tay, vừa nghe bạn trình bày về nội dung thẩm vấn, và dự kiến sẽ hỗ trợ trong các hoạt động của luật sư.

Do đó, ngay cả khi nhân viên thẩm vấn muốn xem nội dung ghi trên “Sổ tay nghi phạm”, bạn cũng hoàn toàn không cần xuất trình ra cho họ, vì quyền bảo mật các nội dung trao đổi giữa nghi phạm và luật sư là một quyền được luật pháp bảo vệ. Nói khác hơn, việc thúc ép báo cáo những nội dung ghi trên sổ tay cho cơ quan điều tra vào sau buổi gặp luật sư là không được cho phép. Trong trường hợp bạn từ chối nhưng nhân viên thẩm vấn vẫn cố gắng xem, hãy tham khảo ý kiến của luật sư.

III. Chuẩn bị tâm lý cho buổi thẩm vấn

1. Đọc kỹ phần “Chuẩn bị tâm lý” này

Việc thẩm vấn sẽ được tiến hành sau khi bạn bị bắt giữ.

Cách bạn đối phó với buổi thẩm vấn là rất quan trọng. Vì vậy, hãy đọc thật kỹ phần “Chuẩn bị tâm lý” này.

2. Bạn có thể giữ im lặng suốt buổi thẩm vấn

~ Quyền giữ im lặng ~

Mục 1 Điều 38 Hiến pháp quy định “*Không ai bị ép phải khai báo những điều bất lợi cho bản thân họ*” và bảo vệ Quyền giữ im lặng của người bị thẩm vấn. Ngoài ra, Mục 2 Điều 198 Luật tố tụng Hình sự cũng quy định “*Trước khi thẩm vấn, phải thông báo cho nghi phạm biết về việc họ không cần phải khai báo những điều trái với ý định của mình*”. Do đó, bạn hoàn toàn có quyền giữ im lặng trong suốt buổi thẩm vấn, chỉ trả lời những câu hỏi bạn muốn trả lời, và không cần trả lời cho

những câu hỏi mà bạn không muốn trả lời.

Quyền giữ im lặng ra đời để chấn chỉnh lại hành vi sử dụng quyền lực để ép người vô tội công khai những điều trái sự thật. Trong các quốc gia hiện đại, quyền giữ im lặng được công nhận như một quyền tất yếu của con người.

Do đó, hãy yên tâm rằng kể cả khi bạn không trả lời các câu hỏi trong buổi thẩm vấn, cũng không ai có thể gây bất lợi cho bạn.

3. Hãy hiểu chính xác những gì đang diễn ra

Trong trường hợp của bạn, việc thẩm vấn sẽ được thực hiện thông qua phiên dịch viên. Nếu bạn không hiểu thông dịch viên đang nói gì, hãy hỏi lại thật kỹ cho đến khi bạn hiểu hoàn toàn. Tuyệt đối không được chấp nhận vội vã khi chưa hiểu hết ý. Ngoài ra, nếu cảm thấy thông dịch viên không hiểu rõ những điều bạn đang nói, hãy giải thích lại thật cẩn thận cho đến khi họ hiểu. Trong trường hợp bạn cảm thấy hầu như không hiểu hoặc không thể giải thích được cho thông dịch viên hiểu, thì tốt nhất hãy nên im lặng.

4. Không cho phép các “nội dung sáng tác” của nhân viên điều tra

Những nội dung bạn trình bày với cảnh sát hoặc công tố viên được gọi là “lời khai”. Sau đó, những lời khai này sẽ được cảnh sát viên hoặc công tố viên tổng kết lại trong một văn bản tên là “Biên bản thẩm vấn”.

Tuy nhiên, nội dung Biên bản thẩm vấn sẽ không được trình bày giống hệt những nội dung mà bạn đã khai, mà chỉ là những nội dung đã được nhân viên thẩm vấn tóm tắt lại và thể hiện thành văn bản. Trong văn bản này, những điều do bạn trình bày sẽ được trộn chung với những suy nghĩ của nhân viên thẩm vấn, do đó không thể phân biệt được đâu là điều bạn thật sự đã nói, đâu là phần “sáng tác” của nhân viên thẩm vấn. Ở Nhật, các buổi thẩm vấn sẽ không có mặt luật sư bào chữa, đồng thời không phải tất cả các buổi thẩm vấn đều được ghi hình và thu âm lại, do đó không có cách nào để điều tra được đâu là những điều bạn thật sự nói về sau đó.

Khi đó “Biên bản thẩm vấn” sẽ trở thành “bằng chứng” của vụ việc. Nếu “Biên bản thẩm vấn” được chấp nhận làm “bằng chứng” tại tòa, và tòa án sẽ ra phán quyết dựa trên nội dung của “Biên bản thẩm vấn”. Khi đó, cho dù bạn có khẳng định “*Những điều viết trong Biên bản thẩm vấn không phải là sự thật.*” thì cũng rất khó để tòa án tin được điều đó.

Do đó hãy hết sức chú ý khi Biên bản thẩm vấn được lập bởi nhân viên thẩm vấn.

5. Khi bị yêu cầu ký tên đóng dấu, bạn cũng không có nghĩa vụ phải thực hiện

~ Quyền từ chối ký tên đóng dấu ~

Việc ký tên đóng dấu vào Biên bản thẩm vấn không phải là nghĩa vụ của bạn.

Mục 5 Điều 198 Luật tố tụng Hình sự quy định rõ: “*Nếu nghi phạm xác nhận không có gì sai sót trong nội dung Biên bản thẩm vấn, được quyền yêu cầu nghi phạm ký tên đóng dấu vào biên bản. Tuy nhiên, nếu nghi phạm từ chối thì không áp dụng điều này*”. Bạn có Quyền từ chối ký tên đóng dấu vào Biên bản thẩm vấn.

Ngay cả khi biên bản được viết chính xác như những gì đã khai, bạn cũng không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào đó. Huống hồ khi biên bản đó bị bạn cho rằng “Ồ, mình đâu có nói như vậy...”, thì việc không cần phải ký tên đóng dấu lên đó là chuyện đương nhiên.

Nếu bạn không đọc được tiếng Nhật, bạn sẽ được nhân viên điều tra đọc cho nghe Biên bản thẩm vấn, sau đó thông dịch viên sẽ dịch lại nội dung, và bạn sẽ được hỏi nội dung trên biên bản có chính xác hay không. Tuy nhiên đôi khi thông dịch viên sẽ dịch sai nội dung, hoặc nói quá nhanh, hoặc bạn quá mệt mỗi khi phải tham dự các cuộc thẩm vấn kéo dài quá nhiều ngày hoặc quá nhiều giờ, thì có nguy cơ bạn dễ mắc phải các hiểu lầm tai hại, hoặc nghe sót nội dung biên bản. Trường hợp bạn không hiểu rõ nội dung Biên bản thẩm vấn hoặc có nghi vấn gì về nội dung thông dịch, hãy yêu cầu “*Xin đọc lại (Dịch lại) một lần nữa*”, hỏi bao nhiêu lần cũng được nên hãy lắng nghe nội dung biên bản thật thông thả kỹ càng. Tuy nhiên, trường hợp bạn vẫn không hiểu rõ về nội dung biên bản, thì quyền từ chối ký tên đóng dấu là quyền lợi chính đáng của bạn, do đó bạn muốn từ chối ký tên đóng dấu cũng không sao.

6. Hãy kiểm tra thật kỹ biên bản thẩm vấn

~ Hãy kiểm tra thật kỹ lưỡng nội dung biên bản thẩm vấn, bao nhiêu lần cũng được ~

Nếu bạn ký tên, đóng dấu lên biên bản thẩm vấn, điều này sẽ được xem như bạn đã đồng ý rằng các nội dung ghi trong biên bản là sự thật. Vì vậy, khi bạn ký tên, đóng dấu lên biên bản thẩm vấn, hãy kiểm tra thật kỹ nội dung của biên bản. Nếu nội dung trên biên bản không đúng sự thật mà bạn ký tên đóng dấu vào, thì khi ra trước tòa, dù bạn có khẳng khẳng “*Điều đó không phải là sự thật*”, nhiều trường hợp điều này sẽ không được chấp nhận, do đó phải hết sức lưu ý. Chỉ một chút thay đổi nhỏ về sắc thái thể hiện, cũng có thể trở thành một khác biệt to lớn khi ra trước tòa.

Sau khi Biên bản thẩm vấn được lập, bạn sẽ kiểm tra nội dung trên biên bản, theo quy định của Luật Tố tụng Hình sự, việc kiểm tra nội dung biên bản có thể được thực hiện bằng cách nhân viên thẩm vấn đọc lại biên bản cho bạn nghe. Tuy nhiên, đôi khi nhân viên điều tra đọc quá nhanh, hoặc bạn đang mệt mỏi v.v.. thì dễ dẫn đến khả năng nghe sót, hiểu lầm tai hại. Trường hợp bạn muốn ký tên đóng dấu vào biên bản thẩm vấn, hãy nói với nhân viên thẩm vấn rằng: “*Tôi muốn tự đọc, hãy cho tôi đọc*”, và kiểm tra chắc chắn bằng đôi mắt của bạn, và đọc thật kỹ càng nội dung trên biên bản thẩm vấn.

Nếu nhân viên thẩm vấn không đáp ứng yêu cầu này, bản thân bạn có quyền từ chối ký tên, đóng dấu, do đó, bạn muốn từ chối ký tên đóng dấu cũng không sao.

7. Yêu cầu đính chính biên bản thẩm vấn

~ Nội dung Biên bản thẩm vấn có thể được đính chính ~

Bạn có quyền yêu cầu điều chỉnh nội dung trên Biên bản thẩm vấn.

Mục 4 Điều 198 Luật Tố tụng Hình sự quy định : Sau khi nhân viên thẩm vấn lập biên bản thẩm vấn, “*Phải cho nghi phạm xem hoặc đọc cho nghi phạm nghe, xác nhận với nghi phạm xem có nội dung gì sai sót không, trường hợp nghi phạm yêu cầu đính chính nội dung khai, thì bắt buộc phải ghi vào biên bản.*” (Quyền đề nghị đính chính nội dung khai).

Trường hợp bạn đọc Biên bản thẩm vấn, và phát hiện chỉ muốn thay đổi một phần trên Biên bản, những điểm còn lại hoàn toàn không có gì “lấn cấn”, hãy yêu cầu sửa lại nội dung trong biên bản thẩm vấn. (Ngay cả trong trường hợp yêu cầu điều chỉnh và đã được đáp ứng, bạn cũng không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào biên bản).

Tuy nhiên, nếu trên biên bản chỉ đính chính một phần, thì các phần còn lại sẽ được xem như bạn đã hoàn toàn đồng ý. Do đó, hãy suy nghĩ thật kỹ khi đính chính, và chỉ cần một chút nghi vấn, thì chúng tôi khuyên bạn hãy từ chối ký tên, đóng dấu lên toàn bộ biên bản thẩm vấn, và trao đổi với luật sư.

Ngoài ra, cũng có thể có trường hợp bạn đã tìm mọi cách để yêu cầu đính chính, nhưng vẫn không được đáp ứng. Trong trường hợp như vậy, đừng ngần ngại từ chối ký tên, đóng dấu.

8. Những điểm cần chú ý khi bị ghi hình và thu âm

(1) Hãy thông báo cho luật sư trong trường hợp bị ghi hình, thu âm khi thẩm vấn.

Buổi thẩm vấn của bạn có khả năng bị ghi hình và thu âm lại.

Trường hợp buổi thẩm vấn bị ghi hình và thu âm (hoặc, được nhân viên thẩm vấn thông báo là sẽ ghi hình, thu âm), hãy nhớ luôn luôn thông báo cho luật sư về điều này.

(2) Đối phó với việc ghi hình, thu âm

Ngay cả trong trường hợp bị ghi hình, thu âm, bạn vẫn có quyền giữ im lặng. Bạn được quyền chọn lựa giữa việc khai báo hay không khai báo.

Nếu bạn quyết định khai báo, điều quan trọng là bạn phải thuật lại sự việc (những điểm cốt lõi) chính xác theo đúng trí nhớ và nhận thức của bạn. Ngoài ra, nếu lỡ thú nhận sai sự thật, hãy giải thích lý do vì sao biên bản lại được kê khai không đúng sự thật.

Ngay cả khi bị ghi hình và thu âm trong quá trình thẩm vấn, hãy tham khảo ý kiến

luật sư bào chữa về việc bạn nên khai báo hay giữ im lặng, hoặc khai báo ra sao nếu bạn không muốn giữ im lặng.

9. Các hỏi đáp khác :

Q1: “Công tố viên” và “Cảnh sát” khác nhau như thế nào?

A1: Cảnh sát là người lắng nghe thông tin vụ việc từ bạn và những người khác, và thu thập các chứng cứ liên quan. Trong khi đó, về cơ bản, công tố viên cũng thực hiện các công việc tương tự như cảnh sát như thu thập thông tin và chứng cứ, tuy nhiên công tố viên là người có quyền quyết định về việc có khởi tố hay không khởi tố bạn trong sự việc mà bạn bị tình nghi.

Cảnh sát không có quyền khởi tố hoặc ra quyết định thả khi bạn đang bị giam giữ. Dù trong quá trình thẩm vấn, một cảnh sát có thể nói “*Khai đi, rồi sẽ cho thả sớm*” tuy nhiên bản thân cảnh sát không có thẩm quyền đó, do đó phải chú ý để không bị lung lạc. Ngoài ra, giả sử công tố viên có nói với bạn rằng “*Khai đi, rồi sẽ cho thả sớm*”, thì cũng đâu có gì đảm bảo là họ sẽ thực hiện đúng như vậy, do đó tốt nhất đừng tham gia vào những câu chuyện như vậy.

Q2: “Thẩm vấn” sẽ kéo dài trong bao lâu?

A2: Tối đa là 23 ngày.

Sau khi bạn bị bắt, thông thường mất khoảng từ 1 đến 2 ngày, và trễ nhất là 3 ngày cho đến khi thẩm phán ra quyết định tạm giam.

Sau đó, thẩm phán sẽ quyết định tạm giam bị cáo trong vòng 10 ngày, và trường hợp họ thấy cần thiết, thời gian tạm giam có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày nữa. Vì vậy, thời gian bạn bị công tố viên hoặc cảnh sát thẩm vấn tối đa là 23 ngày.

Q3: Tôi nên làm gì nếu không nhớ được tình tiết của vụ việc ?

A3: Trường hợp bạn không nhớ, thì cứ nói thẳng: “*Tôi không nhớ*”. Nếu bạn không nói rõ, cảnh sát và công tố viên có thể sẽ cố gắng làm cho bạn nhớ ra bằng hàng loạt câu hỏi như “*Có phải chuyện đó đã xảy ra như vậy?*”, “*Đồng phạm ABC đã khai thế này...*”. Tuy nhiên, nếu bạn thực sự không nhớ các tình tiết của sự việc, thì việc không nhớ đó chính là sự thật, hãy tránh xa các trò dẫn dắt của cảnh sát và công tố viên. Nếu không biết, thì cứ nói rõ “*Tôi không biết*”. Ngay cả khi đó, nếu nhân viên điều tra vẫn “*li lợm*” truy vấn, hãy thực hiện quyền giữ im lặng.

IV. Hướng dẫn cách lập “Sổ tay nghi phạm”

~ “Sổ tay nghi phạm” sẽ giúp bạn ~

1. Các hình thức thẩm vấn bất hợp pháp sẽ khó thực hiện

Nếu tình hình thẩm vấn được chính tay bạn trực tiếp ghi lại, nhân viên thẩm vấn

cũng khó lòng thực hiện các hình thức thẩm vấn vô lý.

2. Hỗ trợ cho công tác của luật sư

Với bản thân các luật sư, chỉ cần đọc lại những gì bạn ghi chép trong “Sổ tay nghi phạm” khi tiếp xúc với bạn, cũng có thể hiểu rõ những gì xảy ra trên thực tế khi thẩm vấn trong phòng kín.

3. Giúp bạn ý thức được các quyền lợi của mình

Sổ tay nghi phạm cũng giúp bạn ý thức được các quyền lợi của mình (quyền giữ im lặng, quyền từ chối ký tên đóng dấu, quyền yêu cầu thay đổi nội dung khai), chấn chỉnh lại các câu trả lời đối ứng khi bị thẩm vấn, và chuẩn bị cho các cuộc thẩm vấn tiếp theo.

4. Tài liệu sử dụng tại phiên tòa

Trường hợp tình hình thẩm vấn trở thành vấn đề trung tâm tại tòa án, thì chỉ cần các thông tin đó còn được lưu chú trong “Sổ tay nghi phạm”, thì bối cảnh diễn ra quy trình thẩm vấn cũng dễ dàng được làm rõ.

5. Là điểm tựa tâm lý của bạn.

Việc ghi chép “Sổ tay nghi phạm” sẽ trở thành điểm tựa tâm lý để bạn có thể bền bỉ đến cùng trong các cuộc thẩm vấn căng thẳng.

V. Cách viết “Sổ tay Nghi phạm”

1. Bạn có thể mua hoặc mượn các dụng cụ ghi chép

Bạn có thể mua hay mượn dụng cụ để ghi chép (Không sử dụng bút chì. Chỉ sử dụng bút bi).

2. Không cần phải chú ý đến các hàng mục khi viết

Những nội dung được lưu lại để chuẩn bị cho phiên tòa sau này trong “Sổ tay Nghi phạm” sẽ được biên tập lại. Do đó bạn chỉ cần ghi Sổ tay theo hình thức “Có sao viết vậy” đơn giản như đang trả lời một bảng câu hỏi điều tra thị trường.

Khi cảm thấy không rõ, hãy hỏi luật sư. Trường hợp không biết thông tin nào cần viết vào mục nào, cũng không cần phải bận tâm. Đừng quan tâm đến các hàng mục, hãy viết thông tin thẩm vấn vào bất kỳ chỗ nào mà bạn thấy còn trống.

3. Hãy trình bày nội dung thẩm vấn thực tế theo hình thức “Có sao viết vậy”:

Hãy mô tả lại nội dung thẩm vấn mà bạn đã tham dự vào “Sổ tay nghi phạm” theo hình thức có sao viết vậy. Hoàn toàn không cần phải cường điệu thêm.

4. Hãy viết ngay khi ký ức vẫn còn tươi nguyên

Mặc dù chúng tôi biết bạn đang rất mệt sau cuộc thẩm vấn, nhưng khi ký ức về buổi phỏng vấn vẫn còn nguyên vẹn, hãy nhanh chóng ghi vào Sổ tay Nghi phạm càng sớm càng tốt. Thông tin không bắt buộc phải ghi ngay trong ngày hôm đó, nhưng nếu được thì tốt nhất là ghi ngay trong ngày hôm sau.

5. Ghi đúng ngày tháng cho mục “Ngày ghi” trên mỗi trang và ký tên

“Sổ tay nghi phạm” có cấu trúc 2 mặt giấy, mỗi 2 mặt giấy được thiết kế cho “nội dung thẩm vấn của một ngày”. Sau khi ghi xong “Nội dung thẩm vấn của một ngày”, viết chính xác “Ngày viết” cho mục ngày tháng ở phần tay phải phía dưới trang (không bắt buộc phải giống với ngày thẩm vấn). Sau khi viết xong phần “Ngày tháng”, cố gắng không bổ sung thêm bất kỳ thông tin gì vào trang đó nữa. Để tránh bị nghĩ là nội dung đã bị thay đổi về sau đó.

Trường hợp sau đó bạn “*Nhớ ra điều gì đó*”, thì hãy viết điều đó vào nội dung của trang dành cho ngày mà bạn nhớ ra. Ví dụ :*“Tôi nhớ ra là vào buổi thẩm vấn ngày XX tháng XX đã xảy ra việc này”*.

VI. Cách sử dụng “Sổ tay nghi phạm”

1. Hãy mang theo khi đến phòng gặp luật sư

Khi gặp luật sư, hãy mang theo “Sổ tay nghi phạm” và đưa cho luật sư xem cũng như trình bày về tình hình thẩm tra.

2. Hoàn lại cho luật sư vào thời gian sau đó

“Sổ tay nghi phạm” được sử dụng để ghi chép các thông tin hỗ trợ cho các công việc của luật sư, vì vậy, hãy trả lại cho luật sư sau đó.

VII. Khi bị thẩm vấn vô lý, trái luật

1. Nếu bị thẩm vấn vô lý, trái luật

Nếu bạn bị thẩm vấn trái luật, vô lý, hãy lập tức liên lạc với luật sư để nói chuyện. Luật sư sẽ đứng về phía bạn để bảo vệ quyền lợi cho bạn. Chỉ cần bạn bàn với luật sư, họ sẽ nỗ lực tối đa để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bạn như tìm cách

phản ứng lại với cảnh sát hoặc công tố viên.

Hiện tại, có một quy định để khiếu nại như bên dưới.

Song song đó, hãy trình bày các thông tin trong “Sổ tay nghi phạm” một cách cụ thể, và đúng theo thực tế những gì đã diễn ra trong cuộc thẩm vấn.

2. Khiếu nại đối với cảnh sát

Luật hiện hành có quy định điều luật: “*Quy định liên quan đến việc giám sát nhằm hợp lý hóa quy trình thẩm vấn nghi phạm*”. Trong Luật này, các hành vi nêu trong các mục từ 1 đến 7 dưới đây được xem như các “Hành vi chịu sự giám sát” - tức những hành vi có nguy cơ dẫn đến việc thẩm vấn bất hợp lý. Ngoài ra, luật cũng quy định rằng, nhân viên thẩm vấn nếu bị phát hiện có các hành vi này có thể bị yêu cầu ngưng thẩm tra. Đồng thời, nhân viên cảnh sát nhận được khiếu nại về việc thẩm vấn, nhân viên đó phải lập tức thông báo cho nhân viên giám sát việc thẩm vấn; và khi có đầy đủ lý do nghi ngờ về việc có “Hành vi chịu sự giám sát”, cảnh sát trưởng phải chỉ định một nhân viên giám sát việc thẩm vấn và đề nghị nhân viên này điều tra tính xác thực liệu có “hành vi chịu sự giám sát” xảy ra hay không.

- ① Hành vi đụng chạm đến thân thể (trừ trường hợp bất khả kháng)
- ② Hành vi tác động lực hữu hình trực tiếp hay gián tiếp (ngoại trừ trường hợp nêu ở điều ①)
- ③ Có hành vi hay lời nói nhằm mục đích làm cho nghi phạm hoang mang, bất an.
- ④ Có những yêu cầu bất hợp lý như yêu cầu nghi phạm thực hiện những động tác hoặc tư thế nhất định nào đó.
- ⑤ Ngỏ ý hoặc hứa hẹn sẽ cung cấp tiện nghi.
- ⑥ Có hành động, lời nói xúc phạm đến nhân phẩm
- ⑦ Thực hiện một trong những hành vi dưới đây khi chưa được phê duyệt của Đại tá Cảnh sát Vùng Thủ đô, Cảnh sát trưởng Tổng Cục cảnh sát Tỉnh, Tổng cục Cảnh sát trong khu vực, hoặc Đoàn cảnh sát địa phương.
 - A. Thẩm vấn nghi phạm trong khoảng thời gian từ 10 giờ tối ngày hôm trước đến 5 giờ sáng ngày hôm sau.
 - B. Thẩm vấn nghi phạm vượt quá 8 tiếng trong 1 ngày.

Bạn cũng có thể nộp đơn khiếu nại với các trường hợp ngoài các hành vi nêu trên. Xin hãy thảo luận với luật sư của bạn.

3. Khiếu nại đối với công tố viên

Văn phòng công tố tối cao đã ban hành Thông tư “*Nắm bắt các bất mãn trong thẩm vấn và cách xử lý*” quy định về cách xử lý khi có khiếu nại từ nghi phạm hoặc luật sư về việc thẩm vấn của công tố viên.

Phản kết – Tâm lý của bạn có vai trò quan trọng

Trên đây là phần giải thích về các khâu chuẩn bị trước khi tham gia thẩm vấn, và các quyền lợi của bạn. Bạn có quyền giữ im lặng (Mục III.2), Quyền từ chối ký tên đóng dấu (Mục III.4) và Quyền yêu cầu điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế Biên bản thẩm vấn (Mục III.6).

Tuy nhiên, dù bạn có biết về các quyền lợi nêu trên, việc sử dụng các quyền ấy không hề đơn giản. Thông thường bạn không thể cứ im lặng trong suốt quá trình thẩm vấn. Cũng như khi nhân viên điều tra thúc ép ký tên vào Biên bản thẩm vấn, việc liên tục từ chối ký tên đóng dấu cũng khó lòng thực hiện. Hoặc, khi bạn đề nghị nhân thẩm vấn tra sửa nội dung trên biên bản, nếu đó là những điểm “Sửa cũng không ảnh hưởng gì” thì có thể họ sẽ đáp ứng, nhưng nếu như đó là một điểm cực kỳ hệ trọng thì mọi thứ lại không đơn giản. Hoặc giả sử nếu bạn không nghe lời của nhân viên thẩm vấn, họ sẽ buộc bạn phải nghe nhiều hơn, cũng như tạo ra hàng loạt áp lực khác. Bạn sẽ phải chịu đựng những buổi thẩm vấn như thế này nhiều giờ trong một ngày, và thậm chí kéo dài đến 23 ngày. Trong khi đó, luật sư chỉ có thể gặp bạn nhiều nhất là 1 lần 1 ngày, mỗi lần một tiếng, ngay cả với những vụ kiện quan trọng. Cho dù luật sư có sát cánh bên bạn, nhưng khi mà luật sư còn chưa được phép tham gia chứng kiến vào trong quá trình thẩm vấn, thì việc bạn thực hiện các quyền lợi của mình là thực sự khó khăn.

Những lời khuyên trên đây không phải đọc một lần là đủ. Hãy đọc đi đọc lại. Đã có trường hợp có anh / chị nghi phạm kia, mỗi sáng trước khi bước vào thẩm vấn, đều đọc lại toàn bộ những gì ghi chép trong “Sổ tay nghi phạm” kể cả những phần mình viết. Vậy mà một người cẩn thận như vậy cũng không yêu cầu được cảnh sát viên ghi lại được những điều mình đã nói do quá mệt mỏi sau một ngày thẩm vấn.

Nếu như toàn bộ quá trình thẩm vấn được ghi hình lại (trực quan hóa buổi thẩm vấn) thì các buổi thẩm vấn bị dán nhãn “có vấn đề” sẽ khó thực hiện. Hoặc nếu buổi thẩm vấn đó thực sự “có vấn đề”, thì điều đó cũng dễ dàng phát hiện về sau đó bằng các hình ảnh ghi lại. Tuy nhiên trong bối cảnh hiện tại, dù cho luật sư có yêu cầu ghi hình buổi thẩm vấn, cơ quan điều tra vẫn chưa có ý định thực hiện (ghi hình một phần hoàn toàn khác với việc “Trực quan hóa buổi thẩm vấn”). Do đó, chỉ còn cách bạn phải tự thực hiện các quyền lợi đó một cách hợp lý để có thể chiến thắng các buổi thẩm vấn sau khi thấu hiểu đầy đủ các khó khăn trong việc thực hiện các quyền lợi đó.

Tất nhiên, luật sư sẽ là điểm tựa cho bạn, nhưng trên tất cả mọi thứ, tâm lý của bạn mới là điều quan trọng nhất.

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

- *1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

- *2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

- *3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

- *4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)

1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)

(1) _____ (2) _____

取調べについて

2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について

3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について

4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

- *1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

- *2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

- *3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

- *4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)

1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)

(1) _____ (2) _____

取調べについて

2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について

3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について

4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

- *1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

- *2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

- *3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

- *4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /

SỔ TAY NGHI PHẠM

取調日(月/日/年)
 1. Ngày thẩm vấn (tháng/ngày/năm) _____ / _____ / _____

時間 開始時間 終了時間
 Thời gian Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

Thời gian bắt đầu : Thời gian kết thúc :

場所 警察署 検察庁
 Địa điểm Đồn cảnh sát Văn phòng Công tố viên

取調官 (警察官, 検察官) の氏名
 Tên người thẩm vấn (Cảnh sát viên/Công tố viên)
 (1) _____ (2) _____

取調べについて
 2. Chi tiết buổi thẩm vấn

黙秘権の告知はありましたか なし 覚えていない あり
 (1) Bạn đã được thông báo về quyền giữ im lặng? Không Không nhớ Có

録画はなされましたか なし あり
 (2) Buổi thẩm vấn có được ghi hình lại không? Không Có

暴行や脅迫はありましたか なし あり
 (3) Bạn có bị ngược đãi hay đe dọa không? Không Có

((3)が有りの場合) 具体的に書いてください
 Nếu trả lời có trong trường hợp (3), vui lòng mô tả chi tiết: _____

印象に残った取調官の言葉等があれば書いてください
 (4) Ghi chú lại những điều có ấn tượng mà người thẩm vấn nói với Bạn.

弁護人について何か言われたことがあれば書いてください
 (5) Người thẩm vấn có đề cập đến luật sư của Bạn không? Nếu có, ông ấy/bà ấy đã nói gì?

通訳について
 3. Về người phiên dịch :

通訳人の通訳する言葉は分かりましたか
 Bạn có hiểu những điều mà người phiên dịch nói?

分かった 分からないところがあった 分からなかった
 Có, tôi hiểu Đôi chỗ chưa hiểu Tôi không hiểu

取調事項について
 4. Về nội dung của buổi thẩm vấn :

どのような事項について取調べを受けましたか 身上関係 動機
 (1) Người thẩm vấn đã hỏi Bạn những gì? Lược sử cá nhân Động cơ

犯行状況 共犯関係 その他
 Chi tiết phạm tội Đồng phạm Những điều khác

具体的に書いてください
 (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

あなたの対応について

5. Câu trả lời của Bạn :

- あなたはどのような供述をしましたか 黙秘 否認 一部否認 自白
- (1) Bạn trả lời như thế nào? Giữ im lặng Phủ nhận Phủ nhận một phần Thừa nhận
- 具体的に書いてください
- (2) Vui lòng mô tả chi tiết xuống bên dưới :

供述調書について

6. Về Biên bản

取調官は調書の文面を作成しましたか

- (1) Người thẩm vấn đã có lập Biên bản không ?

メモのみ 作成終了
 Chỉ ghi chú → Xem câu 7. Đã lập biên bản → Xem câu (2).

調書の読み聞かせはありましたか なし あり

- (2) Biên bản đó có được đọc cho Bạn nghe ? Không Có

あなたが供述したとおりに調書は作成されましたか

- (3) Nội dung Biên bản đó có khớp với lời khai của Bạn trong buổi thẩm vấn không ?

供述のとおりではない 分からない 供述のとおりだと思う
 Không khớp Tôi không biết Tôi nghĩ là có

訂正の申入れをしましたか

- (4) Bạn có đề nghị đính chính lại bất cứ điều gì trong Biên bản đó ?

訂正に応じてくれない 申し入れていない 訂正に応じた
 Đề nghị bị bác bỏ Không đề nghị Đề nghị được đáp ứng

調書への署名をしましたか ?

- (5) Bạn có ký tên vào Biên bản không ? Không Có

取調べについてあなたが思ったこと、感じたことを書いてください

7. Bạn nghĩ gì về buổi thẩm vấn?

弁護人はあなたの正当な権利利益を守る立場で活動します。また、守秘義務がありますから、秘密が漏れることはありません。

*1 Luật sư sẽ làm việc để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho Bạn. Đồng thời, luật sư có nghĩa vụ phải bảo mật nên những bí mật của Bạn sẽ tuyệt đối không bị tiết lộ.

黙秘権が保障されていますので、取調官から供述を迫られても供述を拒否できます（憲法第38条第1項）。

*2 Quyền giữ im lặng là quyền lợi được bảo vệ, do đó Bạn có thể từ chối khai ngay cả khi bị người thẩm vấn thúc ép.
(theo Mục 1 Điều 38 của Hiến Pháp)

あなたは供述調書の記載内容を訂正するよう求めることができます（刑事訴訟法第198条第4項）。

*3 Bạn có quyền yêu cầu đính chính nội dung ghi trên biên bản thẩm vấn.
(theo Mục 4 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

供述調書に署名押印することは義務ではありません。内容の正誤・理由にかかわらず、拒否できます（刑事訴訟法第198条第5項）。

*4 Bạn không có nghĩa vụ phải ký tên đóng dấu vào Biên bản. Bạn được quyền từ chối bất kể vì lý do.
Biên bản không chính xác hay lý do gì khác. (theo Mục 5 Điều 198 của Quy tắc tố tụng hình sự)

作成日：月／日／年

署名

Ngày lập : Tháng/ngày/năm

Chữ ký

/ /